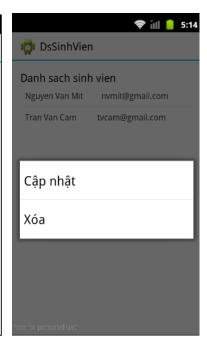
SQLite

Mục tiêu

- 1. Tạo được db SQLite
- 2. Đọc được dữ liệu từ bảng
- 3. Thay đôi nội dung trong một bảng
- 4. Sao lưu dữ liệu







Úng dụng demo

- 1. Tạo ứng dụng tên android với tên SQLite
- 2. Tạo 2 Activyti với tên "DsSinhVien" (1) và "ThemSinhVien" (2)
- 3. Tạo cơ sở dữ liệu "qlsv" với một bảng dữ liệu "sinhvien": Tạo lợp **MySQLiteDB** thừa kế từ lớp **SQLiteOpenHelper,** hiệu chỉnh nội dung của lớp vừa tạo như sau:

```
public class MySQLiteDB extends SQLiteOpenHelper {
      static final String KEY ROWID = "id";
      static final String KEY NAME = "ten";
      static final String KEY EMAIL = "email";
      static final String DATABASE NAME = "qlsv";
      static final String DATABASE_TABLE = "sinhvien";
      static final String DATABASE CREATE TABLE = "" +
                    "create table sinhvien(" +
                    "id integer primary key autoincrement, " +
                    "ten text not null, email text not null);";
      public MySQLiteDB(Context context) {
             super(context, DATABASE NAME, null, 1);
      @Override
public void onCreate(SQLiteDatabase db) {
             db.execSQL(DATABASE CREATE TABLE);
             ContentValues initialValues = new ContentValues();
             initialValues.put(KEY_NAME, "Nguyen Van Mit");
             initialValues.put(KEY_EMAIL, "nvmit@gmail.com");
             db.insert(DATABASE TABLE, null, initial Values);
             initialValues.clear();
             initialValues.put(KEY NAME, "Tran Van Cam");
             initialValues.put(KEY EMAIL, "tvcam@gmail.com");
             db.insert(DATABASE TABLE, null, initialValues);
             initialValues.clear();
             initialValues.put(KEY NAME, "Le Thi Luu");
             initialValues.put(KEY EMAIL, "ltluu@gmail.com");
             db.insert(DATABASE TABLE, null, initial Values);
      @Override
      public void onUpgrade(SQLiteDatabase db, int oldVersion, int newVersion) {
             db.execSQL("drop table if exists sinhvien " + DATABASE TABLE);
             onCreate(db);
```

- 4. Bổ sung thêm chức năng CRUD cho bảng dữ liệu **SinhVien** bằng cách bổ sung 5 hàm sau vào lớp trên.
 - Định nghĩa lớp "SinhVien" bê trong lớp

```
public class SinhVien {
    public int id;
    public String ten;
    public String email;
}
```

Bô sung các phương thức

```
public Boolean ThemSinhVien(String ten, String email) {
    ContentValues initialValues = new ContentValues();
    initialValues.put(KEY_NAME, ten);
```

```
initialValues.put(KEY EMAIL, email);
      return this.getWritableDatabase().insert(DATABASE TABLE, null,
                   initialValues) > 0;
public Boolean CapNhatSinhVien(int id, String ten, String email) {
      ContentValues args = new ContentValues();
      args.put(KEY NAME, ten);
      args.put(KEY EMAIL, email);
      args.put(KEY ROWID, id);
      return this.getWritableDatabase().update(DATABASE_TABLE, args,
                    KEY ROWID + "=" + id, null) > 0;
public Boolean XoaSinhVien(int id) {
      return this.getWritableDatabase().delete(DATABASE_TABLE,
                    KEY ROWID + "=" + id, null) > 0;
public SinhVien TimSinhVien(int id) {
      Cursor mCursor = this.getReadableDatabase().rawQuery(
                    "Select id, ten, email from sinhvien wwhere id="+id, null);
      if (mCursor == null) {
            return null;
      // di chuyen den phan tu dau tien
      mCursor.moveToFirst();
      SinhVien sv = new SinhVien();
      sv.id = mCursor.getInt(0);
      sv.ten = mCursor.getString(1);
      sv.email = mCursor.getString(2);
      return sv;
// đọc hết dữ liệu
public ArrayList<SinhVien> DanhSachSinhVien() {
      ArrayList<SinhVien> list = new ArrayList<SinhVien>();
      // mở dữ liệu để đọc
      Cursor cur = this.getReadableDatabase().rawQuery(
                    "Select id, ten, email from sinhvien", null);
      // di chuyền về dòng đâu, ds rông sẽ trả về false
      if (!cur.moveToFirst())
             return null;
      do {
             SinhVien sv = new SinhVien();
             sv.id = cur.getInt(0);
             sv.ten = cur.getString(1);
             sv.email = cur.getString(2);
             list.add(sv);
      } while (cur.moveToNext());
      return list;
```

5. Tạo lớp **MyAdapter** thừa kế từ BaseAdapter để tùy biến ds như sau

```
public class MyAdapter extends BaseAdapter {
    Context context;
    ArrayList<SinhVien> listAll;

public MyAdapter(Context c, ArrayList<SinhVien> list) {
    context = c;
    listAll = list;
```

```
@Override
public int getCount() {
      return listAll.size();
@Override
public Object getItem(int position) {
      return listAll.get(position);
@Override
public long getItemId(int position) {
      return listAll.get(position).id;
@Override
public View getView(int position, View convertView, ViewGroup parent) {
      Mot_SinhVien sv;
      if (convertView == null) {
             LayoutInflater inflate = (LayoutInflater) context
.getSystemService(Activity.LAYOUT INFLATER SERVICE);
             convertView = inflate.inflate(R.layout.mot_sinhvien, null);
             sv = new Mot SinhVien();
             sv.ten = (TextView) convertView.findViewById(R.id.tvTen);
             sv.email = (TextView) convertView.findViewById(R.id.tvEmail);
             convertView.setTag(sv);
      } else {
             sv = (Mot SinhVien) convertView.getTag();
      sv.ten.setText(listAll.get(position).ten);
      sv.email.setText(listAll.get(position).email);
      return convertView;
class Mot_SinhVien {
      TextView ten;
      TextView email;
```

6. Trong activity "DsSinhVien" hiệu chỉnh như sau

```
public class DsSinhVien extends ActionBarActivity {
    ListView lv;
    ArrayList<SinhVien> dsSinhVine = new ArrayList<SinhVien>();

int idSinhVienChon = -1;

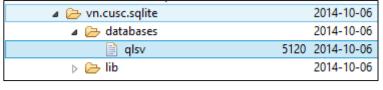
MySQLiteDB db;
@Override
    protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.activity_ds_sinh_vien);

        lv = (ListView) findViewById(R.id.listView1);

        // lay du lieu
        db = new MySQLiteDB(this);
        dsSinhVine = db.DanhSachSinhVien();
```

- Chạy ứng dụng chúng ta sẽ có như sau





7. Khi chọn menu thêm chuyển sang chức năng thêm mới. Hiệu chỉnh phương thức onOptionsItemSelected như sau

```
@Override
public boolean onOptionsItemSelected(MenuItem item) {
    int id = item.getItemId();
    if (id == R.id.action_settings) {
        return true;
    }

    if (id == R.id.mnuThem) {
        Intent intent = new Intent(this, ThemSinhVien.class);
        startActivity(intent);
        finish();
        return true;
    }
}
```

```
return super.onOptionsItemSelected(item);
}
```

8. Hiệu chỉnh lại activity thêm mới như sau

```
public class ThemSinhVien extends ActionBarActivity implements OnClickListener {
      MySQLiteDB db;
      Button btnThem, btnDanhSach;
      EditText etTen, etEmail;
      @Override
      protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
             super.onCreate(savedInstanceState);
             setContentView(R.layout.activity_them_sinh_vien);
             // lay du lieu
             db = new MySQLiteDB(this);
             btnThem = (Button) findViewById(R.id.btnThem);
             btnThem.setOnClickListener(this);
             btnDanhSach = (Button) findViewById(R.id.btnDanhSach);
             btnDanhSach.setOnClickListener(this);
             etTen = (EditText) findViewById(R.id.etTen);
             etEmail = (EditText) findViewById(R.id.etEmail);
      @Override
      public void onClick(View v) {
             if(v.getId() == R.id.btnThem)
                    db.ThemSinhVien(etTen.getText().toString(),
etEmail.getText().toString());
                   Toast.makeText(this, "Sinh viên đã được lưu",
Toast.LENGTH SHORT).show();
             if(v.getId() == R.id.btnDanhSach)
                    Intent intent = new Intent(this, DsSinhVien.class);
                    startActivity(intent);
                    finish();
```

- Chạy ứng dụng để kiểm tra kết quả

Xây dựng chức năng chọn một phần tử từ danh sách để xóa hay cập nhật

1. Tạo file context menu gồm hai mục xóa và sửa

```
android:title="Cập nhật"/>
</menu>
```

2. Đăng ký hiển thị context menu khi người dùng chọn từ listview

```
registerForContextMenu(lv);
```

3. Định nghĩa chồng lại sự kiện chọn phần tử trên context menu

```
// khi chon tu context menu
@Override
public boolean onContextItemSelected(MenuItem item) {
      // neu chon xoa
      if (item.getItemId() == R.id.mnuCapNhat) {
             AdapterContextMenuInfo info = (AdapterContextMenuInfo) item
                          .getMenuInfo();
             View view = info.targetView.findViewById(R.id.tvTen);
             return true;
      } else {
             db = new MySQLiteDB(this);
             db.XoaSinhVien(idSinhVienChon);
             dsSinhVine = db.DanhSachSinhVien();
             if (dsSinhVine != null) {
                    // khoi tao giao dien
                   MyAdapter adp = new MyAdapter(this, dsSinhVine);
                    lv.setAdapter(adp);
             } else {
                   Toast.makeText(this, "Khong tim thay sinh vien nao",
                                 Toast.LENGTH_SHORT) .show();
                    lv.setAdapter(null);
             return true;
```

- Chạy ứng dụng, chọn giữ lâu trên sinh viên và chọn xóa.

Bài tập tự làm

- 1. Xây dựng chức năng cập nhật.
- 2. Bổ sung chức năng sao lưu dữ liệu cho ứng dụng

Hints:

- Tham khảo chức năng thêm và xóa
- Sao lưu chỉ là chép tập tin chứa nội dung dữ liệu SQLite